

Số: 558 /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Xét Văn bản số 32/CV-TAHP ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Hải Phòng về việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất thạch cao nhân tạo và xử lý chất thải của DAP - Đình Vũ” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Hải Phòng, địa chỉ tại Lô CN119-13 Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất thạch cao nhân tạo và xử lý chất thải của DAP - Đình Vũ”, địa chỉ tại Lô CN119-13 Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thạch cao nhân tạo và xử lý chất thải của DAP - Đình Vũ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN119-13 Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp số 0201800937 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài Chính) thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 6 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6373778783 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 28 tháng 3 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 0201800937.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (bã thải thạch cao còn gọi là bã thải gyps).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 34.020,8 m².

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở:

+ Sản xuất thạch cao nhân tạo (thạch cao phospho) từ bã thải gyps:

++ Công suất: 600.000 tấn/năm (sản phẩm thạch cao phospho một phần tiếp tục được sấy giảm độ ẩm để làm phụ gia cho sản xuất xi măng và một phần đưa vào phối trộn với nguyên liệu khác để tạo thành hỗn hợp thạch cao làm vật liệu san lấp, vật liệu cho nền, móng đường giao thông).

++ Quy trình công nghệ: Bã thải Gyps, nước, axit H₂SO₄ hoặc phụ gia → Phối trộn → Máy nghiền bi → Máy tách chân không → Máy phối trộn → Thạch cao thành phẩm (ẩm 20%) → (1), (2).

(1) → Hệ thống lò sấy → Thạch cao nhân tạo (độ ẩm 6-20%, làm phụ gia trong sản xuất xi măng).

(2) → Hệ thống phối trộn (đá mặt, than, đất đồi, tro xỉ...) → Hỗn hợp thạch cao (làm vật liệu san lấp, vật liệu cho nền, móng đường giao thông).

+ Sản xuất phụ gia sản xuất phân bón (P₂O₅ thu hồi):

++ Công suất: 100.000 tấn/năm.

++ Quy trình sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của cơ sở → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể lắng → Bể cô đặc → Máy ép bùn → P₂O₅ thu hồi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Hải Phòng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Hải Phòng có trách nhiệm:

- 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
- 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
- 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
- 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này ký ban hành đến ngày 21.. tháng ..12. năm 2032).

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT thành phố Hải Phòng;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Hải Phòng;
- Lưu: VT, MT, QLCT.TD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải sau xử lý được tuần hoàn, tái sử dụng 100% cho hoạt động sản xuất, không xả thải ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà hành chính (làm việc và nghỉ ca), nhà kỹ thuật chuyên môn, nhà xưởng sản xuất thạch cao, kho chứa thạch cao thành phẩm được xử lý sơ bộ bằng 04 bể tự hoại thể tích xây dựng $23,7 \text{ m}^3/\text{bể}$, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế $30 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn (thuộc nhà kỹ thuật chuyên môn) được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách dầu thể tích xây dựng $0,768 \text{ m}^3$, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế $30 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ công đoạn lọc ép chân không được thu gom về bể thu gom nước thải bằng inox (thể tích khoảng 60 m^3) nằm trong nhà xưởng số 01, tại đây một phần nước thải được bơm lên máy lọc tách chân không, một phần được bơm về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế $1.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải từ bể đập bụi kết hợp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò sấy thạch cao số 02 (chỉ phát sinh sau khi đã hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế $1.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước phục vụ cho sản xuất, tuần hoàn 100%, không xả thải vào môi trường.

- Công suất thiết kế: $30 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Javel, dinh dưỡng hoặc hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước tái sử dụng cho hoạt động sản xuất.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể lắng → (Phần chất rắn đi vào Bể cô đặc P_2O_5 → Máy ép bùn) → Phần nước tuần hoàn 100%, không xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: $1.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Vôì, polyme hoặc hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước tái sử dụng cho hoạt động sản xuất.

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải trao đổi nhiệt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước trao đổi nhiệt từ máy nghiền bi, máy lọc tách chân không $\rightarrow$ Tháp giải nhiệt công suất $177 \text{ m}^3/\text{giờ}$ $\rightarrow$ Lưu giữ trong thân tháp giải nhiệt và bể chứa 300 m^3 $\rightarrow$ Tuần hoàn, tái sử dụng cho máy nghiền bi, máy lọc tách chân không, không thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: $177 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại, nạo vét bùn lắng đọng trong đường ống dẫn nước thải, thu gom, lưu chứa bùn trong bể chứa bùn và chuyển giao đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ bùn, cát.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

- Cử cán bộ chuyên trách kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải (có sổ theo dõi hàng ngày), đảm bảo hệ thống luôn vận hành theo đúng công nghệ được chuyển giao.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp sự cố vỡ, rò rỉ đường ống thu gom nước thải, cán bộ vận hành phải khóa ngay van chặn tại cả 2 đầu của đường ống. Sử dụng bơm di động hoặc thiết bị thu gom nước thải để thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh trở lại các bể xử lý, đồng thời xác định nguyên nhân gây ra sự cố này để khắc phục, sửa chữa kịp thời.

- Trường hợp xảy ra trục trặc hoặc hỏng hóc tạm thời tại một bể xử lý hoặc thiết bị bất kỳ cán bộ vận hành sẽ lập tức đóng van tiếp nhận nước thải và tạm dừng hoạt động của bể/thiết bị đó để tiến hành sửa chữa hoặc thay thế.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải dừng hoạt động, trong thời gian xác định nguyên nhân và sửa chữa, cải tạo thiết bị, công trình, Công ty sẽ điều chỉnh hoạt động sản xuất của nhà máy nhằm giảm tối đa lượng nước thải phát sinh, tạm dừng sản xuất trong trường hợp cần thiết để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất để xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng nước tái sử dụng; không xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. ✓

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống lò sấy thạch cao số 01.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống lò sấy thạch cao số 02 (chỉ phát sinh sau khi đã hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải số 01 (thu gom, xử lý khí thải từ nguồn số 01), tọa độ vị trí xả thải: X = 2301955; Y = 608768.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải số 02 (thu gom, xử lý khí thải từ nguồn số 02), tọa độ vị trí xả thải: X = 2301973; Y = 608860.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Nhà máy tại Lô CN119-13 Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải 42.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải 45.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p = 0,9 và K_v = 0,6; áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031); QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2032), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến hết 31/12/2031	Từ 01/01/2032		
1	Bụi tổng (PM)	mg/Nm ³	108	≤ 20 (13)*	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	270	≤ 80 (13)*		
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	459	≤ 200 (13)*		
4	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	540	≤ 150 (13)*		
5	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm ³	-	≤ 15 (13)*		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến hết 31/12/2031	Từ 01/01/2032		
6	Độ khói	Giá trị Ringelmann	-	≤ 2		

Ghi chú: (13)* là giá trị hàm lượng ôxy tham chiếu.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 01 công suất thiết kế 42.000 m³/giờ để xử lý trước khi thải ra môi trường qua 01 ống khói thải.

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 02 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 02 công suất thiết kế 45.000 m³/giờ để xử lý trước khi thải ra môi trường qua 01 ống khói thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò sấy thạch cao số 01 → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống khói thải.

- Công suất thiết kế: 42.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: CaO (chỉ sử dụng để phối trộn cùng nguyên liệu đốt là than cám, cấp vào buồng đốt của lò sấy) hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 02 (sẽ xây dựng, lắp đặt sau khi được cấp Giấy phép môi trường này):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò sấy thạch cao số 02 → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Bể đập bụi kết hợp hấp thụ → Ống khói thải.

- Công suất thiết kế: 45.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: CaO (chỉ sử dụng để phối trộn cùng nguyên liệu đốt là than cám, cấp vào buồng đốt của lò sấy), Ca(OH)₂ hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải; tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của lò sấy và hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí công nhân kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý khí thải, có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, nhà máy cho công nhân dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố và không gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Đối với hệ thống xử lý khí thải số 01: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải số 02: Không quá 06 tháng kể từ ngày Công ty hoàn thành lắp đặt hệ thống xử lý khí thải số 02 và gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng.

2.1.2. Vị trí lấy mẫu:

Tại ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải.

2.1.3. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này.

2.1.4. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra), trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Xây dựng hệ thống xử lý khí thải số 02 nêu tại Mục 1.2.2 Phần B Phụ lục này; lập hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về xây dựng (có biên bản bàn giao nghiệm thu giữa chủ đầu tư, nhà thầu thi công, giám sát thi công công trình xử lý chất thải) và có quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải.

3.5. Phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý khí thải số 02 đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.7. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.8. Đảm bảo điểm lấy mẫu khí thải đáp ứng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

3.9. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý khí thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

3.10. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. 

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng sản xuất số 1 (máy phối trộn).
- Nguồn số 02: Khu xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế 30 m³/ngày (máy thổi khí).
- Nguồn số 03: Khu xử lý nước thải công nghiệp công suất thiết kế 1.500 m³/ngày (động cơ khuấy, bơm).
- Nguồn số 04: Khu lò sấy thạch cao và hệ thống xử lý khí thải số 01.
- Nguồn số 05: Khu lò sấy thạch cao và hệ thống xử lý khí thải số 02 (chỉ phát sinh sau khi đã hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt).

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị sản xuất; bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt,...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực sản xuất có độ ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị sản xuất.
- Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc. Công ty thực hiện chế độ bảo dưỡng theo hướng dẫn và khuyến cáo của nhà sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. 

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 06	NH	30
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	300
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	50
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	KS	300
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	250
Tổng khối lượng		-	-	930

Thực hiện phân định, phân loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	19.000
2	Bùn thải từ bể tự hoại	432
3	Tro, xỉ từ hoạt động của lò sấy thạch cao	1.200.000
4	Chất thải rắn công nghiệp khác	500
Tổng khối lượng		1.219.932

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 16,5 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Đã trang bị thùng, phuy có nắp đậy dung tích 50-200 lít/thùng.

2.1.2. Kho lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Diện tích: 16,68 m².

- Thiết kế, cấu tạo:

Kho lưu giữ có nền bằng bê tông, tường xây bằng gạch, mái bê tông cốt thép chịu lực; gờ chắn ở cửa kho ngăn ngừa nước mưa chảy tràn; có hồ thu gom tràn đổ hóa chất, có bình bột, cát, xẻng, theo quy định; Bên ngoài có biển tên, biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu giữ: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào các bao chứa đặt tại các khu vực phát sinh.

2.2.2. Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 35,2 m².

- Thiết kế, cấu tạo:

Kho lưu giữ có nền bê tông, tường xây bằng gạch, mái bê tông cốt thép chịu lực, có gờ chắn để ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong kho và có biển báo.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu giữ: Đã trang bị thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 12 lít đến 500 lít.

- Kho lưu giữ: Chất thải rắn sinh hoạt được lưu giữ tại kho chất thải rắn công nghiệp thông thường 35,2 m².

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố. 

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất, các yêu cầu bảo vệ môi trường theo Quyết định số 2321/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất thạch cao nhân tạo và xử lý chất thải của DAP - Đình Vũ” tại Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (nay là Lô CN119-13, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng); không tiếp tục thực hiện đầu tư dây chuyền sản xuất phân bón tổng hợp công suất 300.000 tấn/năm.

2. Hạng mục công trình tiếp tục thực hiện:

Xây dựng nhà xưởng số 04 (chức năng: nhà kho số 02) diện tích khoảng 2.880 m² làm kho chứa thành phẩm.

3. Sau khi hoàn thành hạng mục nêu trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về khoảng cách an toàn, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; tuân thủ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Phối hợp chặt chẽ với Công ty Cổ Phần DAP - Vinachem để thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường theo Hợp đồng thỏa thuận số 01/DAP-TA ngày 11 tháng 9 năm 2025 về việc trách nhiệm bảo vệ môi trường khu cấp liệu chất thải rắn công nghiệp thông thường thạch cao PG (tại khu cấp liệu 500 m² nằm phía Nam bãi thạch cao PG lâu dài

của Công ty Cổ Phần DAP - Vinachem) giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Hải Phòng và Công ty Cổ Phần DAP - Vinachem. Trong đó:

- Trách nhiệm của Công ty Cổ Phần DAP- Vinachem: Vận chuyển thạch cao PG đến khu cấp liệu có diện tích khoảng 500 m² nằm phía Nam bãi thạch cao PG lâu dài của Công ty DAP. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm kiểm soát, hạn chế phát tán bụi và giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển, cấp thạch cao PG.

- Trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Hải Phòng: Tiếp nhận chất thải là thạch cao PG do Công ty Cổ Phần DAP - Vinachem cung cấp. Sử dụng nước thải sau xử lý tái sử dụng cấp cho hệ thống cấp thạch cao PG bằng đường ống kín (thiết kế, lắp đặt bảo đảm các quy định kỹ thuật, không rò rỉ ra môi trường xung quanh). Toàn bộ nước thải sau xử lý được hòa trộn với thạch cao PG được vận chuyển bằng đường ống kín về “Nhà máy sản xuất thạch cao nhân tạo và xử lý chất thải của DAP - Đình Vũ” để sản xuất thạch cao. Chịu trách nhiệm về an toàn môi trường trong trường hợp để xảy ra sự cố liên quan đến nước thải (sự cố tràn, đổ, rò rỉ nước thải sau xử lý ra ngoài môi trường) trong suốt quá trình hoạt động.

5. Các loại sản phẩm sản xuất từ chất thải phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sản phẩm thạch cao nhân tạo (thạch cao phospho) phải đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11833:2017 - Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng; sản phẩm hỗn hợp thạch cao phải đáp ứng TCVN 14326:2024 - Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu cho nền, móng đường giao thông - Yêu cầu chung, TCVN 14325:2024 - Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung; QCVN 16:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

- Sản phẩm P₂O₅ nếu là sản phẩm, hàng hóa phải được quản lý theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của lĩnh vực quản lý chuyên ngành; trường hợp chưa phải là sản phẩm, hàng hóa thì phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp làm nguyên liệu sản xuất.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

8. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định.

9. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /.